

Số: 1246/QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-BKHĐT ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, sáp nhập các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê; các Phòng thuộc Cục Thống kê và Chi cục Thống kê quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Thống kê).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê, Trưởng phòng thuộc Cục Thống kê và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website Tổng cục Thống kê;
- Lưu: VT, TCCB (10b).



Nguyễn Thị Hương



QUY ĐỊNH

Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

*(Kèm theo Quyết định số: 1246/QĐ-TCTK ngày 05 tháng 8 năm 2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

Phần I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

I. PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP

1. Vị trí và chức năng

Phòng Thống kê Tổng hợp là đơn vị thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thống kê quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động thống kê tổng hợp; tài khoản quốc gia, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; thanh tra chuyên ngành thống kê, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; phương pháp chế độ; tuyên truyền, phổ biến thông tin thống kê và quản lý chất lượng thống kê.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Thống kê Tổng hợp thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách, bao gồm:

2.1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; triển khai các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan về thống kê.

2.2. Tổng hợp, biên soạn thông tin thống kê; phân tích, dự báo thống kê

a) Biên soạn báo cáo thống kê kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm; báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất; tổng hợp, biên soạn số liệu thống kê kinh tế - xã hội.

b) Tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo Phụ lục số 01 và các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được giao theo quy định.

c) Biên soạn Niên giám thống kê và các sản phẩm thống kê kinh tế - xã hội.

d) Phân tích và dự báo thống kê theo chương trình thống kê phục vụ xây dựng, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo phân tích chuyên đề.

2.3. Phổ biến, cung cấp thông tin thống kê

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê.
- b) Tổ chức công bố, phổ biến, cung cấp thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các sản phẩm thống kê khác theo quy định.
- c) Tổ chức họp báo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội.
- d) Chủ trì rà soát giá trị sản xuất, cung cấp thông tin thống kê phục vụ Tổng cục Thống kê biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- đ) Cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật.

2.4. Quản lý Hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.

2.5. Xây dựng, biên tập, cập nhật nội dung thông tin thống kê và phối hợp với các phòng có liên quan quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê.

2.6. Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê nhà nước.

2.7. Thực hiện quản lý, tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

2.8. Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền kiến thức thống kê.

2.9. Xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã được công bố.

2.10. Hướng dẫn nghiệp vụ thống kê đối với người làm công tác thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn và điều tra viên thống kê.

2.11. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; thực hiện cải cách hành chính; tiếp công dân, tiếp nhận phản ánh của người dân, doanh nghiệp; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

2.12. Nghiên cứu khoa học thống kê; ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê; triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê.

2.13. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ:

- a) Thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê;
- b) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước;

c) Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng; tài chính, hành chính.

2.14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

II. PHÒNG THỐNG KÊ KINH TẾ

1. Vị trí và chức năng

Phòng Thống kê Kinh tế là đơn vị thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thống kê quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động thống kê ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp, vốn đầu tư và giá.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Thống kê Kinh tế thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách, bao gồm:

2.1. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan về thống kê.

2.2. Tổng hợp, biên soạn thông tin thống kê; phân tích, dự báo thống kê

a) Tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin từ điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê, cơ sở dữ liệu hành chính, báo cáo thống kê do Phòng Thu thập Thông tin thống kê và Chi cục Thống kê thực hiện.

b) Tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo Phụ lục số 02 và các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được giao theo quy định.

c) Biên soạn báo cáo thống kê, sản phẩm thống kê.

d) Phân tích và dự báo thống kê.

2.3. Phổ biến, cung cấp thông tin thống kê

a) Biên soạn nội dung thông tin, kết quả điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê phục vụ công bố, phổ biến thông tin thống kê.

b) Thực hiện rà soát, cung cấp thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực được giao phục vụ Tổng cục Thống kê biên soạn chỉ tiêu giá trị sản xuất.

c) Cung cấp thông tin thống kê cho các đơn vị trong Ngành và các đối tượng khác theo quy định.

2.4. Tổng hợp và quản lý thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực thống kê kinh tế.

2.5. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

2.6. Nghiên cứu khoa học thống kê; ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê; triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê.

2.7. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ:

a) Thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê; kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ thống kê đối với người làm công tác thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn và điều tra viên thống kê;

d) Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng; tài chính, hành chính.

2.8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

III. PHÒNG THỐNG KÊ XÃ HỘI

1. Vị trí và chức năng

Phòng Thống kê Xã hội là đơn vị thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thống kê quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động thống kê trong lĩnh vực dân số, lao động, xã hội, môi trường và nông thôn.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Thống kê Xã hội thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách, bao gồm:

2.1. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan về thống kê.

2.2. Tổng hợp, biên soạn thông tin thống kê; phân tích, dự báo thống kê

a) Tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin từ điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê, cơ sở dữ liệu hành chính, báo cáo thống kê do Phòng Thu thập Thông tin thống kê và Chi cục Thống kê thực hiện.

b) Tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo Phụ lục số 03 và các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được giao theo quy định.

c) Biên soạn báo cáo thống kê, sản phẩm thống kê.

d) Phân tích và dự báo thống kê.

2.3. Phổ biến, cung cấp thông tin thống kê

a) Biên soạn nội dung thông tin, kết quả điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê phục vụ công bố, phổ biến thông tin thống kê.

b) Thực hiện rà soát, cung cấp thông tin thống kê thuộc ngành, lĩnh vực được giao phục vụ Tổng cục Thống kê biên soạn chỉ tiêu giá trị sản xuất.

c) Cung cấp thông tin thống kê cho các đơn vị trong Ngành và các đối tượng khác theo quy định.

2.4. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

2.5. Tổng hợp và quản lý thông tin thống kê thuộc lĩnh vực thống kê xã hội.

2.6. Nghiên cứu khoa học thống kê; ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê; triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê.

2.7. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ:

a) Thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê; kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ thống kê đối với người làm công tác thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn và điều tra viên thống kê;

d) Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng; tài chính, hành chính.

2.8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

IV. PHÒNG THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ

1. Vị trí và chức năng

Phòng Thu thập Thông tin thống kê là đơn vị thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thống kê quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động thu thập dữ liệu thống kê và công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Thu thập Thông tin thống kê thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách, bao gồm:

2.1. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan về thống kê.

2.2. Tổ chức thu thập dữ liệu thống kê

a) Tổ chức thực hiện điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê.

b) Thu thập thông tin từ báo cáo thống kê.

c) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng dữ liệu, thông tin từ cơ sở dữ liệu hành chính do các cơ quan quản lý dữ liệu cung cấp cho hoạt động thống kê trên địa bàn. Bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao.

2.3. Hướng dẫn, tập huấn điều tra, tổng điều tra đối với người làm công tác thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn và điều tra viên thống kê.

2.4. Tổng hợp thông tin thống kê, kết quả điều tra thống kê do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp.

2.5. Tích hợp dữ liệu điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê với dữ liệu hành chính, dữ liệu từ báo cáo thống kê và các nguồn dữ liệu khác phục vụ yêu cầu biên soạn số liệu thống kê; xây dựng, cập nhật, quản lý, lưu trữ và thực hiện chia sẻ cơ sở dữ liệu thống kê theo quy định, quy chế.

2.6. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

2.7. Xây dựng quy chế, quy định về quản lý và sử dụng dữ liệu thống kê.

2.8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Cục Thống kê, các Sở, ngành và địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước theo quy định.

2.9. Nghiên cứu khoa học thống kê, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê; triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê.

2.10. Xây dựng, quản lý, vận hành, bảo trì hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; quản lý chữ ký số của Cục Thống kê.

2.11. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ:

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý;

b) Quản lý, vận hành trang thông tin điện tử của Cục Thống kê;

c) Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng; tài chính, hành chính.

2.12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

V. PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

1. Vị trí và chức năng

Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thống kê quản lý và tổ chức thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng, tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng và quản trị hành chính.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách, bao gồm:

2.1. Hướng dẫn thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan về công tác tổ chức, cán bộ, hành chính, thi đua, khen thưởng và tài chính.

2.2. Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển; quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và lao động hợp đồng; thực hiện chế độ tiền lương, ngạch, phụ cấp ưu đãi nghề thống kê và chế độ bảo hiểm xã hội; thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và lao động hợp đồng theo quy định.

2.3. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm cho công chức; phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với người làm công tác thống kê, điều tra viên thống kê và cộng tác viên thống kê.

2.4. Hướng dẫn, xây dựng, đánh giá thực hiện kế hoạch công tác và biên soạn báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm.

2.5. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng; thường trực Hội đồng sáng kiến. Hướng dẫn triển khai, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và sáng kiến. Tổ chức trao tặng, cấp phát các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2.6. Hướng dẫn, thực hiện đánh giá, phân loại đối với công chức và lao động hợp đồng của Cục Thống kê.

2.7. Hướng dẫn, lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hằng năm theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và theo quy định của Nhà nước; quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao; mua sắm, trang bị, quản lý, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa tài sản, nhà cửa, máy móc trang thiết bị văn phòng.

2.8. Xây dựng và trình Cục trưởng ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế làm việc; quy chế thi đua, khen thưởng; quy chế hoạt động của hội đồng sáng kiến; nội quy, quy định của cơ quan.

2.9. Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, bảo mật, quản lý việc sử dụng con dấu và chứng thư số của cơ quan Cục Thống kê; kiểm tra thể thức văn bản của Cục Thống kê trước khi ban hành; đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ yêu cầu công tác chuyên môn.

2.10. Thực hiện cải cách hành chính; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế cơ quan; đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

2.11. Nghiên cứu khoa học thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn; quản lý, cập nhật, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, hồ sơ công chức, người lao động và các văn bản theo quy định.

2.12. Kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, hành chính, thi đua, khen thưởng, tài chính - kế toán theo đúng quy định.

2.13. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý.

2.14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

Phần II **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

1. Các Phòng thuộc Cục Thống kê làm việc theo chế độ Thủ trưởng kết hợp với chế độ chuyên viên; trưởng hợp lãnh đạo Cục Thống kê giao nhiệm vụ trực tiếp cho Phó Trưởng phòng hoặc chuyên viên thì Phó Trưởng phòng, chuyên viên có trách nhiệm thi hành và báo cáo kịp thời với Trưởng phòng.

2. Trưởng phòng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

4. Công chức, người lao động thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ do Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng giao.

Phần III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Việc thực hiện các cuộc điều tra thống kê

1.1. Năm 2020, Phòng Thống kê Kinh tế, Phòng Thống kê Xã hội chủ trì và phối hợp với Phòng Thu thập Thông tin thống kê thực hiện các cuộc điều tra thống kê hằng tháng, quý, năm; tổng điều tra theo kế hoạch đã ban hành.

1.2. Từ năm 2021, Phòng Thu thập Thông tin thống kê tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

2. Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quy định trên./.

Phụ lục số 01
DANH MỤC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH
PHÂN CÔNG PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1246/QĐ-TCTK ngày 15/8/2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

STT	Mã chỉ tiêu	Hệ thống chỉ tiêu/tên chỉ tiêu	Kỳ công bố	Thực hiện	Phụ trách
		TỔNG SỐ		4	5
1	T0501	Tổng sản phẩm trên địa bàn	6 tháng, năm		x
2	T0502	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	6 tháng, năm		x
3	T0503	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn	6 tháng, năm		x
4	T0505	Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người (tính bằng VNĐ, USD)	Năm		x
5	T0601	Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6 tháng, năm		x
6	T0604	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	6 tháng, năm		x
7	T0712	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Năm		x
8	T0713	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Năm		x
9	T0714	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Quý; năm		x

Phụ lục số 02
DANH MỤC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH
PHÂN CÔNG PHÒNG THỐNG KÊ KINH TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1246/QĐ-TCTK ngày 15/8/2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

STT	Mã chỉ tiêu	Hệ thống chỉ tiêu/tên chỉ tiêu	Kỳ công bố	Thực hiện	Phụ trách
		TỔNG SỐ		35	2
1	T0301	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở kinh tế, sự nghiệp	5 Năm	x	
2	T0302	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính	5 Năm	x	
3	T0303	Số hộ, lao động kinh tế cá thể nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	5 Năm	x	
4	T0304	Số doanh nghiệp, lao động, vốn, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp	Năm	x	
5	T0305	Giá trị tăng thêm trên 01 đồng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp	Năm	x	
6	T0306	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Năm	x	
7	T0307	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp	Năm	x	
8	T0401	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Quý, năm	x	
9	T0402	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	Năm	x	
10	T0405	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	Năm	x	
11	T0406	Số lượng nhà ở, tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	5 năm	x	
12	T0801	Diện tích gieo trồng cây hằng năm	Vụ, năm	x	
13	T0802	Diện tích cây lâu năm	Năm	x	
14	T0803	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu	Vụ, năm	x	
15	T0804	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu	Vụ, năm	x	
16	T0806	Số lượng gia súc, gia cầm và vật nuôi khác	6 tháng, năm	x	
17	T0807	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	6 tháng, năm	x	
18	T0808	Diện tích rừng trồng mới tập trung	6 tháng, năm	x	
19	T0809	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	Năm	x	

20	T0810	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Năm	x	
21	T0811	Sản lượng thủy sản	Quý, năm	x	
22	T0812	Số lượng và công suất tàu thuyền có động cơ khai thác hải sản	Năm	x	
23	T0901	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Tháng, quý, năm	x	
24	T0902	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Tháng, quý, năm	x	
25	T0909	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	2 Năm		x
26	T1001	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tháng, quý, năm	x	
27	T1002	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tháng, quý, năm	x	
28	T1003	Doanh thu một số ngành dịch vụ khác	Năm	x	
29	T1004	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Năm		x
30	T1101	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	Tháng	x	
31	T1201	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tháng, quý, năm	x	
32	T1202	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	Tháng, quý, năm	x	
33	T1203	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tháng, quý, năm	x	
34	T1311	Doanh thu công nghệ thông tin	Năm	x	
35	T1703	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tháng, quý, năm	x	
36	T1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Quý; năm	x	
37	T1708	Chi tiêu của khách du lịch nội địa	Năm	x	

Phụ lục số 03
DANH MỤC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH
PHÂN CÔNG PHÒNG THỐNG KÊ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1246/QĐ-TCTK ngày 05/8/2020
 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

STT	Mã chỉ tiêu	Hệ thống chỉ tiêu/tên chỉ tiêu	Kỳ công bố	Thực hiện	Phụ trách
		TỔNG SỐ		20	43
1	T0101	Diện tích và cơ cấu đất	Năm		x
2	T0102	Dân số, mật độ dân số	Năm	x	
3	T0103	Tỷ số giới tính khi sinh	Năm	x	
4	T0104	Tỷ suất sinh thô	Năm	x	
5	T0105	Tổng tỷ suất sinh	Năm	x	
6	T0106	Tỷ suất chết thô	Năm	x	
7	T0107	Tỷ lệ tăng dân số (chung, tự nhiên)	Năm	x	
8	T0108	Tỷ xuất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	Năm	x	
9	T0109	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Năm	x	
10	T0110	Số cuộc kết hôn	Năm		x
11	T0111	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu	Năm		x
12	T0112	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh	Năm		x
13	T0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	Năm		x
14	T0201	Lực lượng lao động	Năm	x	
15	T0202	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Năm	x	
16	T0203	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Năm	x	
17	T0204	Tỷ lệ thất nghiệp	Năm	x	
18	T0205	Tỷ lệ thiếu việc làm	Năm	x	
19	T0208	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Nhiệm kỳ		x
20	T0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Nhiệm kỳ		x
21	T0211	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền	Năm		x
22	T0407	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	5 năm	x	
23	T0813	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Năm		x
24	T1304	Số lượng thuê bao điện thoại	Năm		x

25	T1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	Năm		x
26	T1306	Tỷ lệ người sử dụng internet	Năm		x
27	T1307	Số lượng thuê bao truy cập internet	Quý; năm		x
28	T1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet	Năm		x
29	T1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Năm		x
30	T1405	Chi số đổi mới công nghệ, thiết bị	Năm		x
31	T1407	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Năm		x
32	T1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Năm		x
33	T1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Năm		x
34	T1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	Năm		x
35	T1504	Số trường, lớp, phòng học phổ thông	Năm		x
36	T1505	Số giáo viên phổ thông	Năm		x
37	T1506	Số học sinh phổ thông	Năm		x
38	T1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Năm		x
39	T1603	Tỷ suất chết của trẻ em dưới một tuổi	Năm	x	
40	T1604	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	Năm	x	
41	T1605	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Năm		x
42	T1606	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	Năm		x
43	T1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Năm		x
44	T1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hằng năm trên một trăm nghìn dân	Năm		x
45	T1702	Số huy chương trong các kỳ thi đấu	Năm		x
46	T1802	Tỷ lệ nghèo	Năm	x	
47	T1804	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Năm		x
48	T1805	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	2 năm, năm	x	
49	T1806	Tỷ lệ dân số sử dụng hố xí hợp vệ sinh	2 năm	x	
50	T1901	Số vụ tai nạn giao thông, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Tháng, 6 tháng, năm		x
51	T1902	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Tháng, 6 tháng, năm		x

52	T1903	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	6 tháng; năm		x
53	T1904	Số vụ án, số bị can đã truy tố	6 tháng; năm		x
54	T1905	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án	Năm		x
55	T1906	Tỷ lệ dân số từ mười lăm tuổi trở lên bị bạo lực	10 năm	x	
56	T1907	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	Năm		x
57	T2001	Diện tích rừng hiện có	Năm		x
58	T2002	Diện tích rừng được bảo vệ	Năm		x
59	T2003	Tỷ lệ che phủ rừng	Năm		x
60	T2004	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Tháng; năm		x
61	T2005	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Năm		x
62	T2006	Diện tích đất bị thoái hóa	Năm		x
63	T2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom xử lý	Năm		x